

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ

Số: 51 /GPMT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 10 tháng 4 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần One-One Miền Trung tại Công văn số 09/CV ngày 20 tháng 9 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường; Công văn số 125/CV ngày 24 tháng 3 năm 2025 về giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất bánh gạo và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Tờ trình số 822/TTr-KKTCN ngày 04 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần One-One Miền Trung, địa chỉ tại xã Lộc Tiến, Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, huyện Phú Lộc, thành phố Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất

bánh gạo với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư, cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất bánh gạo

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Lộc Tiến, Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, huyện Phú Lộc, thành phố Huế.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án 8355053848, được Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô (nay là Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp) chứng nhận lần đầu ngày 22 tháng 10 năm 2014, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 07 tháng 12 năm 2015.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 3301549864, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2014; đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 30 tháng 5 năm 2019.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Diện tích sử dụng đất: 3 ha.

- Quy mô công suất: 4.800 tấn bánh gạo/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý và đấu nối nước thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần One-One Miền Trung có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp

giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu theo quy định và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về nội dung báo cáo, tính pháp lý, tính chính xác, đầy đủ về hồ sơ, nội dung thẩm định trình UBND thành phố Huế theo đúng các quy định hiện hành.

2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND huyện Phú Lộc;
- Công ty Cổ phần One-One Miền Trung;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- VP: LĐ và các CV: TH, DN;
- Lưu VT, CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 51 /GPMT-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025
của UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

01 nguồn phát sinh khí thải từ hoạt động của 01 hệ thống lò hơi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải

Bụi và khí thải phát sinh sau xử lý xả vào môi trường không khí từ 01 hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2.2. Vị trí xả thải

Tại 01 ống khói của hệ thống lò hơi.

Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107⁰, vĩ chiều 3⁰) như sau:

TT	Vị trí xả thải	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
1	Tại miệng ống khói của lò hơi	1.801.572	609.140

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 26.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Cường bức, gián đoạn.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường phải đảm bảo QCVN 19: 2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (giá trị C của cột B; hệ số K_p=0,9 và K_v=1,0) .

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/m ³	180	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan liên quan có thẩm quyền	Không
2	CO	mg/m ³	900		
3	SO ₂	mg/m ³	450		
4	NO _x (theo NO ₂)	mg/m ³	765		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ hệ thống lò hơi

Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu tại buồng đốt của hệ thống lò hơi được thu gom bằng đường ống có đường kính D 500mm, chiều dài 06m để dẫn đến hệ thống xử lý khí thải (được lắp đặt hợp khối với lò hơi). Hệ thống xử lý khí thải gồm 02 công đoạn: (i) Xử lý lọc bụi khô bằng thiết bị cyclon lọc bụi và (ii) xử lý ướt (gồm tháp hấp thụ và bể đập bụi). Khí thải sau xử lý xả thải vào môi trường qua ống khói cao 18m, đường kính 500mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Khí thải sau khi ra khỏi buồng đốt theo đường ống được dẫn qua thiết bị cyclon để tách loại phần lớn bụi có kích thước lớn nhờ lực ly tâm và trọng lực. Bụi được lắng ở đáy cyclon. Sau đó, quạt hút ly tâm vận chuyển không khí từ cyclon qua thiết bị lọc ướt (gồm tháp hấp thụ và bể đập bụi), dòng không khí lần lượt đi qua tháp hấp thụ và bể đập bụi. Tháp hấp thụ và bể đập bụi được thiết kế nhằm hấp thụ các loại khí thải sinh ra từ quá trình đốt cháy nhiên liệu như: SO_x , NO_x , ... bằng dung dịch hấp thụ (nước). Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt QCVN 19: 2009/BTNMT (giá trị C của cột B; $K_p=0,9$ và $K_v=1,0$).

- Công suất hệ thống: Chủ cơ sở đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải với công suất $26.000\text{m}^3/\text{giờ}$ (tương ứng với công suất tối đa của quạt hút của thiết bị).

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật, hướng dẫn của nhà cung cấp;

- Tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc theo đúng định kỳ, hướng dẫn của nhà cung cấp;

- Bố trí cán bộ, công nhân thường xuyên theo dõi hệ thống để kịp thời phát hiện các sự cố xảy ra như: Hỏng hóc máy móc, khí thải xử lý chưa đảm bảo chất lượng theo yêu cầu, ... ; bố trí nhân viên kiểm tra hệ thống lò hơi, đường ống dẫn khí;

- Khi có sự cố về hệ thống xử lý khí thải, tạm thời dừng hệ thống và dừng các hoạt động sản xuất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở phải bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A nêu trên trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ VÀ ĐÁU NỔI NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 51 /GPMT-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025
của UBND thành phố Huế)

A. THÔNG TIN VỀ NƯỚC THẢI CỦA CƠ SỞ

1. Các nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên;
- Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động nấu ăn;
- Nguồn số 03: Phát sinh từ quá trình ngâm gạo;
- Nguồn số 04: Phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi;
- Nguồn số 05: Phát sinh từ hoạt động vệ sinh công nghiệp.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn nước tiếp nhận

Toàn bộ nước thải sau khi được xử lý sơ bộ tại hệ thống xử lý nước thải cục bộ của cơ sở được đấu nối, dẫn về Nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp và Khu phi thuế quan, công suất 4.900 m³/ngày.đêm để tiếp tục được xử lý, thải ra môi trường.

2.2. Vị trí xả nước thải

Vị trí đấu nối nước thải của cơ sở tại hố ga ký hiệu GT10-03, cao độ đỉnh hố ga +3,35m, cao độ đáy hố ga -1,13m tại khu đất trống nằm trước cổng Nhà máy.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 51,6 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy, bơm cưỡng bức.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải khi đấu nối vào Nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp và Khu phi thuế quan phải đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận theo Hợp đồng Dịch vụ thoát nước thải số 02/HĐTNT-TTQLHT ngày 07/7/2021 đã ký kết với Trung tâm Quản lý, Khai thác hạ tầng và Tư vấn đầu tư Khu kinh tế, công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ VÀ ĐÁU NỔI NƯỚC THẢI

1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải

Tất cả các nguồn phát sinh nước thải của cơ sở được thu gom bằng hệ thống đường ống nhựa PVC/HDPE. Nước thải từ hoạt động vệ sinh của cán bộ công nhân viên được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại; nước thải từ khu nhà ăn được xử lý sơ bộ tại bể tách dầu mỡ; nước thải từ khu sản xuất, hệ thống xử lý khí thải lò hơi theo tuyến ống thu gom HDPE đường kính D 300mm chảy về bể gom của hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy có công suất 250m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý được đầu nối vào Nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp và Khu phi thuế quan công suất 4.900 m³/ngày.đêm do Trung tâm Quản lý, Khai thác hạ tầng và Tư vấn đầu tư Khu kinh tế, công nghiệp quản lý, vận hành.

Chủ cơ sở phải đảm bảo tách riêng hoàn toàn hệ thống thu gom nước thải và hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở; đảm bảo nước thải được thu gom triệt để, đầu nối vào Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp và Khu phi thuế quan theo quy định. Tuyệt đối không có bất kỳ điểm xả, điểm đầu nối nước thải khác so với Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Chủ cơ sở xây dựng 01 bể tự hoại có kết cấu bằng bê tông, cốt thép chống thấm, thể tích bể 18m³; xây dựng 03 bể tách dầu mỡ (thể tích 01m³/bể). Chủ cơ sở phải thuê đơn vị có chức năng đề định kỳ thu gom và vận chuyển phân cặn lắng, xử lý theo đúng quy định.

Hệ thống xử lý nước thải cục bộ tại Nhà máy có công suất 250m³/ngày đêm; quy trình công nghệ xử lý như sau: Toàn bộ nước thải được thu gom qua hệ thống các tuyến ống về bể thu gom; bể thu gom kết hợp ngăn tách dầu mỡ (01 bể) được chia làm 3 ngăn; nước thải được bơm chìm đưa qua hồ lưu nước số 1 và 2, hồ lưu nước có tác dụng làm ổn định nước thải tránh gây sốc hệ thống vi sinh hiếu khí tại hồ sinh học hiếu khí (aerotan), ngoài ra, hồ lưu nước có tác dụng như hồ kỵ khí, phân huỷ chất hữu cơ trong nước thải bằng quá trình kỵ khí. Nước thải sau đó chảy qua hồ sinh học hiếu khí Aerotan (01 hồ), quá trình xử lý sinh học hiếu khí diễn ra nhờ máy thổi khí, khí được phân phối đều trong hồ xử lý bằng hệ thống dàn ống và đĩa phân phối khí. Vi sinh vật hiếu khí sử dụng chất hữu cơ trong nước thải làm thức ăn cho quá trình phát triển, tăng sinh khối tạo thành quần thể dạng bông bùn dễ lắng gọi là bùn hoạt tính. Sau xử lý sinh học hiếu khí, nước thải giảm hầu hết các chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng và tiếp tục chảy qua hồ lắng. Tại đây, quá trình lắng cơ học làm giảm chất rắn lơ lửng, bùn cặn lắng và làm trong nước thải, lượng bùn hoạt tính lắng ở đây sẽ được tuần hoàn một phần về lại hồ sinh học hiếu khí để đảm bảo nồng độ bùn hoạt tính cần thiết cho hoạt động của hồ sinh học hiếu khí. Sau khi qua hồ lắng nước thải được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp và Khu phi thuế quan qua hố ga có ký hiệu GT10-03 (theo Hợp đồng Dịch vụ thoát nước thải số 02/HĐTNT-TTQLHT ngày 07/7/2021).

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 51 /GPMT-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025
của UBND thành phố Huế)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Từ các hoạt động của các phương tiện vận chuyển và sản xuất của cơ sở.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực sản xuất trong khuôn viên nhà xưởng của cơ sở.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27: 2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
70	55	Khu vực thông thường	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

3.2. Độ rung

Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
70	60	Khu vực thông thường	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Tại các máy hút liệu được bố trí đệm cao su và bố trí các tấm chắn để hạn chế mức ồn gây ra;
- Chủ cơ sở thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng máy móc thiết bị;

- Trồng cây xanh quanh Cơ sở tạo dải phân cách, hạn chế sự lan truyền tiếng ồn sang các khu vực lân cận;

- Các máy móc thiết bị rung lớn đều được lắp đặt trên nền bê bằng phẳng và chắc chắn, bằng bê tông. Móng bê máy đúc đủ khối lượng, sử dụng bê tông mác cao, tăng chiều sâu móng, đào rãnh đổ cát khô để tránh rung theo mặt nền. Lắp đặt lớp đệm cao su chân máy để giảm rung khi máy hoạt động.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 51 /GPMT-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025
của UBND thành phố Huế)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	23
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	10
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	19
	Tổng cộng			52

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Số lượng trung bình (tấn/năm)
1	Sản phẩm hỏng (vụn bánh)	Rắn	14 07 01	240
2	Dầu mỡ thải (dầu ăn đã qua sử dụng)	Lỏng	12 06 11	0,1
3	Tro đáy, bụi lò hơi	Rắn	04 02 06	97
4	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	Rắn	18 01 05	45
5	Bùn thải	Bùn	12 06 12	15
	Tổng cộng			397,1

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 82,3 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Chất thải nguy hại được thu gom và lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành.

- Đối với chất thải nguy hại trạng thái lỏng: Thu gom và lưu chứa trong thùng phuy vật liệu thép (số lượng 01 thùng phuy, loại 200 lít), có nắp đậy kín để tránh chảy tràn.

- Đối với chất thải nguy hại trạng thái rắn được thu gom và lưu chứa trong bao bì cứng, đậy kín và lưu chứa trong thùng vật liệu HDPE loại 240 lít (số lượng 02 thùng).

- Bao bì, thiết bị lưu chứa các loại chất thải nguy hại của cơ sở phải có mã chất thải nguy hại, ký hiệu cảnh báo theo quy định. Không thu gom lẫn lộn các loại chất thải nguy hại trong quá trình lưu giữ.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

Kho lưu giữ CTNH có diện tích 05 m². Chủ cơ sở phải hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

Chủ cơ sở đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH theo quy định. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép môi trường, yêu cầu chủ cơ sở rà soát, ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định trong trường hợp hợp đồng đã ký hết hiệu lực.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Chủ cơ sở phải tiến hành phân loại chất thải rắn sinh hoạt thành các nhóm khác nhau để tái chế, tái sử dụng hoặc chuyển giao để xử lý theo quy định tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của UBND tỉnh về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Bố trí bao bì/thiết bị lưu chứa phù hợp với các nhóm chất thải sinh hoạt sau khi đã phân loại.

Tại khu vực khu vực văn phòng, khu vực sản xuất, nhà ăn, khuôn viên Cơ sở: Bố trí 8 thùng HPDE (240 lít/thùng).

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa

Chất thải rắn sinh hoạt được công nhân vệ sinh phân loại và vận chuyển đến khu vực tập kết CTR sinh hoạt trong khuôn viên cơ sở.

Chủ cơ sở phải hợp đồng với đơn vị có chức năng tại địa phương vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

Chủ cơ sở đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép môi trường, yêu cầu chủ cơ sở rà soát, ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định trong trường hợp hợp đồng đã ký hết hiệu lực.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Tro lò hơi: Chủ cơ sở đã xây dựng kho chứa tro diện tích khoảng 100m² đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định để lưu chứa xỉ than (có mái che kín mưa, có cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt, mặt sàn bảo đảm kín, tránh nước mưa từ bên ngoài vào, ...). Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom toàn bộ xỉ than.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường khác: Vụn bánh, dầu ăn đã qua sử dụng, bao bì giấy các tông, bao bì nhựa,... Chủ cơ sở bố trí 01 kho lưu chứa diện tích 20 m³. Chủ cơ sở hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom toàn bộ lượng chất thải công nghiệp thông thường.

- Bùn thải từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, bể tự hoại: Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng hút hầm định kỳ.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố cháy nổ

- Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy, bể bơm nước cứu hỏa;
- Định kỳ tổ chức tập huấn phương án chữa cháy cho CBCNV;
- Định kỳ kiểm tra các thiết bị điện, vận hành máy móc đúng quy trình, các kho chứa nguyên liệu, phế liệu phải thông thoáng, gọn gàng, vệ sinh sạch sẽ;
- Khi có cháy nổ xảy ra, lập tức báo ngay cho lực lượng PCCC để kịp thời ứng cứu.

2. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố tại hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, công nhân kiến thức về phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ khí thải và biện pháp sơ cứu, cấp cứu khi xảy ra sự cố;
- Bố trí cán bộ, công nhân kiểm tra hệ thống lò hơi, đường ống dẫn khí tại mỗi ca làm việc;
- Tiến hành bảo trì, bảo dưỡng hệ thống lò hơi, đường ống dẫn khí theo định kỳ;
- Có cán bộ, công nhân thường xuyên theo dõi hệ thống để kịp thời phát hiện các sự cố xảy ra như: hỏng hóc máy móc, khí thải xử lý chưa đảm bảo đạt chất lượng theo yêu cầu,...;
- Khi có sự cố về hệ thống xử lý khí thải, tạm thời dừng hệ thống và dừng các hoạt động sản xuất.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 51 /GPMT-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025 của UBND thành phố Huế)

1. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở. Tăng cường công tác vệ sinh nhà xưởng (tại các nhà xưởng, sân bãi, dọc các tuyến đường đi,...). Thường xuyên nạo vét, vệ sinh, khơi thông hệ thống thu gom nước thải, hệ thống thoát nước mưa của cơ sở. Tuyệt đối không có bất cứ hoạt động xả nước thải ra môi trường hoặc xả ra bên ngoài khuôn viên cơ sở dưới mọi hình thức.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ); Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và quản lý hóa chất theo quy định hiện hành.

4. Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi cơ sở. Có nhân sự, tổ hoặc đội bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát; xây dựng, lắp đặt công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; có phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; ban hành, niêm yết công khai và tổ chức thực hiện quy định, quy chế về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường nơi công cộng thuộc phạm vi cơ sở.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Trong quá trình hoạt động, chủ cơ sở phải tuân thủ xử lý khí thải từ hệ thống lò hơi đảm bảo đạt quy định trước khi xả ra môi trường; thực hiện quan trắc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra

khi cần thiết.

7. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về thông tin, số liệu trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở. Trong quá trình hoạt động, phải thực hiện thủ tục xin cấp đổi, điều chỉnh hoặc cấp lại Giấy phép môi trường nếu thuộc các trường hợp theo quy định tại Điều 44 của Luật Bảo vệ môi trường./.